| BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: [illegible]/QĐ-BTNMT | *Hà Nội, ngày [illegible] tháng [illegible] năm 2017* |

6633
30 11 2017

# QUYẾT ĐỊNH
## Phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2018

## BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Có Danh mục các cuộc thanh tra kèm theo*).

**Điều 2.** Giao Chánh Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện Kế hoạch này; căn cứ tình hình triển khai thực tế và yêu cầu của công tác quản lý nhà nước để đề xuất việc điều chỉnh Kế hoạch này cho phù hợp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Hồng Hà**

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ (để phối hợp);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ (để phối hợp);
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ (để phối hợp);
- Lưu: VT, TTr (PB15).

# DANH MỤC CÁC CUỘC THANH TRA NĂM 2018 CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2945 /QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | NỘI DUNG | Đối tượng | Địa điểm | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Thanh tra Bộ** | | | | | **8.000** | |
| **I** | **Thanh tra hành chính** | | | | | **500** | |
| 1.1 | Thanh tra trách nhiệm việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao: công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí của một số đơn vị trực thuộc Bộ | Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt | Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác | Các cơ quan có liên quan | Quý I-II | | |
| | | Tổng cục Môi trường | Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác | | Quý II-III | | |
| | | Cục Công nghệ thông tin | Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác | | Quý III-IV | | |
| | | Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam | Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố khác | | Quý III-IV | | |
| **2** | **Thanh tra trách nhiệm** | | | | | **3.000** | |
| 2.1 | Thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường của Uỷ ban nhân dân tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh và Ủy ban nhân dân 01-02 huyện (sẽ thống nhất với UBND Tỉnh để lựa chọn cụ thể) | Bắc Kạn | - Các Tổng cục: Quản lý đất đai, Môi trường, Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;<br>- Các Cục: Quản lý tài nguyên nước; Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;<br>- Các cơ quan và địa phương có liên quan | Quý I-II | | |
| 2.2 | | Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, Ủy ban nhân dân 01-02 huyện (sẽ thống nhất với UBND Tỉnh để lựa chọn cụ thể) và các đối tượng thanh tra tại Phụ lục 01 đính kèm | Bắc Ninh | | Quý II-III | | *Trong đó có nội dung thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế do Tổng cục Quản lý đất đai đề xuất* |
| 2.3 | | Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, Ủy ban nhân dân 01-02 huyện (sẽ thống nhất với UBND Tỉnh để lựa chọn cụ thể) và các đối tượng thanh tra tại Phụ lục 02 đính kèm | Quảng Nam | | Quý II | | *Trong đó có các nội dung:*<br>*- Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên do Tổng cục Môi trường đề xuất;*<br>*- Kiểm tra chuyên đề thăm dò/khai thác, nạo vét thu hồi cát, sỏi lòng sông và các bến bãi theo lưu vực và quản lý hành chính; Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về thực hiện nghĩa vụ tài chính trong việc sử dụng số liệu, thông tin kết quả điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản từ nguồn ngân sách nhà nước do Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đề xuất;* |

| STT | NỘI DUNG | Đối tượng | Địa điểm | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2.4 | Thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh và Ủy ban nhân dân 01-02 huyện (sẽ thống nhất với UBND Tỉnh để lựa chọn cụ thể) | Long An | - Các Tổng cục: Quản lý đất đai, Môi trường, Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;<br>- Các Cục: Quản lý tài nguyên nước; Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;<br>- Các cơ quan và địa phương có liên quan | Quý II-III | | *Trong đó có nội dung kiểm tra việc thực hiện công tác định giá đất và phát triển quỹ đất doTổng cục Quản lý đất đai đề xuất* |
| 2.5 | | | Cà Mau | | Quý III-IV | | *Trong đó có nội dung kiểm tra việc thực hiện công tác định giá đất và phát triển quỹ đất và kiểm tra chính sách chiến lược quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất ở địa phương doTổng cục Quản lý đất đai đề xuất* |
| **3** | **Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra** | | | Các cơ quan và địa phương có liên quan | | **300** | |
| | Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố | Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh | Bình Dương, Nam Định, TP. Hồ Chí Minh, Bình Định, Thừa Thiên Huế | | Quý II-III | | |
| **4** | **Thanh tra, kiểm tra đột xuất; thanh tra lại** | | | Các cơ quan và địa phương có liên quan | | **2.500** | |
| **5** | **Giám sát các đoàn thanh tra** | | | | | **100** | |
| **6** | **Giải quyết đơn thư tranh chấp, khiếu nại, tố cáo** | | | Các cơ quan và địa phương có liên quan | | **1.000** | |
| 6.1 | Tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài theo Kế hoạch số 2100/KH-TTCP ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ | | | | | | |
| 6.2 | Giải quyết các vụ việc do Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ trưởng | | | | | | |
| 6.3 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong công tác giải quyết đơn thư tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai | | | | | | *Kết hợp với các nội dung thanh tra trách nhiệm của Thanh tra Bộ tại Mục 2* |
| **7** | **Làm việc, nắm bắt tình hình tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương** | | | | | **100** | |
| **8** | **Công tác khác** | | | | | **500** | |
| 8.1 | Tập huấn công tác thanh tra, kiểm tra năm 2018 | | | | Quý I | | |

| STT | NỘI DUNG | Đối tượng | Địa điểm | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **II** | **Tổng cục Quản lý đất đai** | | | | | **2.150** | |
| 1 | Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế theo Đề án "Tăng cường xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng đất đai giai đoạn đến năm 2020" | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 03 đính kèm | Thái Nguyên | Thanh tra Bộ, các đơn vị và địa phương có liên quan | Quý I-II | 788 | |
| | | | Cần Thơ | | Quý I-II | | *Lồng ghép với nội dung kiểm tra việc xử lý các dự án đầu tư chậm đưa đất vào sử dụng của Tổng cục Quản lý đất đai* |
| | | | Đồng Nai | | II-III | | *Lồng ghép với nội dung kiểm tra việc quản lý, sử dụng tại các dự án sân golf của Tổng cục Quản lý đất đai* |
| | | | Thành phố Hồ Chí Minh | | II-III | | *- Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Môi trường trình Bộ ban hành quyết định thành lập đoàn thanh tra kết hợp nhiều lĩnh vực của Bộ;*<br>*- Lồng ghép với nội dung kiểm tra việc xử lý các dự án đầu tư chậm đưa đất vào sử dụng của Tổng cục Quản lý đất đai* |
| | | | Bắc Ninh | | Quý III-IV | | *Phối hợp với Thanh tra Bộ thực hiện cùng nội dung thanh tra trách nhiệm do Thanh tra Bộ chủ trì tại Mục 2.2* |
| | | | Bình Định | | Quý III-IV | | |
| 2 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai đối với các dự án BOT, BT theo nội dung Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 | | Hải Phòng | Các đơn vị và địa phương có liên quan | Quý II-III | 160 | *- Tổng cục Quản lý đất đai phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, lựa chọn đối tượng thanh tra; trước khi thành lập đoàn thanh tra phải báo cáo Bộ (qua Thanh tra Bộ) về danh sách đối tượng thanh tra cụ thể để xem xét, quyết định; trường hợp quá trình thanh tra bị chồng chéo về đối tượng thanh tra với các đơn vị khác và với địa phương thì Tổng cục Quản lý đất đai phải báo cáo Bộ để xử lý;*<br>*- Tại Hải Phòng lồng ghép với các nội dung của Tổng cục Quản lý đất đai: Kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp kết quả việc thực hiện các nội dung Đề án (kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế); kiểm tra việc quản lý, sử dụng tại các dự án sân golf; kiểm tra việc xử lý các dự án đầu tư chậm đưa đất vào sử dụng;*<br>*- Tại Quảng Ninh lồng ghép với các nội dung của Tổng cục Quản lý đất đai: Kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp kết quả việc thực hiện các nội dung Đề án (kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế); kiểm tra việc quản lý, sử dụng tại các dự án sân golf* |
| | | | Quảng Ninh | | Quý II-III | 160 | |

| STT | NỘI DUNG | Đối tượng | Địa điểm | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra của Tổng cục | | Hà Nội | Các đơn vị và địa phương có liên quan | Quý II | 236 | *Lồng ghép với các nội dung của Tổng cục Quản lý đất đai: Kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp kết quả việc thực hiện các nội dung Đề án (kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế); kiểm tra chính sách chiến lược quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất ở địa phương; kiểm tra việc xử lý các dự án đầu tư chậm đưa đất vào sử dụng* |
| | | | Phú Thọ | | Quý II | | *Lồng ghép với các nội dung của Tổng cục Quản lý đất đai: Kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp kết quả việc thực hiện các nội dung Đề án (kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế); kiểm tra chính sách chiến lược quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất ở địa phương* |
| | | | Thanh Hóa | | Quý I-II | | *Lồng ghép với nội dung kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp kết quả việc thực hiện các nội dung Đề án (kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế) của Tổng cục Quản lý đất đai* |
| | | | Gia Lai | | Quý IV | | *Lồng ghép với nội dung kiểm tra chính sách chiến lược quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất ở địa phương của Tổng cục Quản lý đất đai* |
| | | | Vĩnh Phúc, Bà Rịa - Vũng Tàu, Khánh Hòa, Hà Tĩnh | | Quý III-IV | | *- Tại Hà Tĩnh lồng ghép với nội dung kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp kết quả việc thực hiện các nội dung Đề án (kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế) của Tổng cục Quản lý đất đai*<br>*- Tại Vĩnh Phúc lồng ghép với nội dung kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp kết quả việc thực hiện các nội dung Đề án (kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế)* |
| 4 | Thanh tra, kiểm tra đột xuất | | | | | 806 | |

| STT | NỘI DUNG | Đối tượng | Địa điểm | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **III** | **Tổng cục Môi trường** | | | | | **20.500** | |
| 1 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Bắc | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 04 đính kèm | Cao Bằng | Công an các tỉnh, thành phố; Sở TNMT, Sở Công thương, Ban Quản lý KKT, KCN, KCX, KCNC và CCN các tỉnh, thành phố có liên quan; Đơn vị tham gia đo đạc, lấy, bảo quản và phân tích mẫu môi trường | Quý IV | 6.400 | |
| | | | Hà Giang | | Quý II-III | | |
| | | | Hòa Bình | | Quý III | | |
| | | | Nam Định | | Quý II | | |
| | | | Thái Bình | | Quý I-II | | |
| | | | Hà Nội, Yên Bái | | Quý III | | |
| 2 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 05 đính kèm | Quảng Nam | Công an các tỉnh, thành phố; Sở TNMT, Sở Công thương, Ban Quản lý KKT, KCN, KCX, KCNC và CCN các tỉnh, thành phố có liên quan; Đơn vị tham gia đo đạc, lấy, bảo quản và phân tích mẫu môi trường | Quý II-III | 1.800 | *Phối hợp với Thanh tra Bộ thực hiện cùng nội dung thanh tra trách nhiệm do Thanh tra Bộ chủ trì tại Mục 2.3* |
| | | | Đà Nẵng | | Quý III-IV | | |
| 3 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Nam | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 06 đính kèm | Bình Phước | Công an các tỉnh, thành phố; Sở TNMT, Sở Công thương, Ban Quản lý KKT, KCN, KCX, KCNC và CCN các tỉnh, thành phố có liên quan; Đơn vị tham gia đo đạc, lấy, bảo quản và phân tích mẫu môi trường | Quý II | 6.500 | |
| | | | Bến Tre, Bình Dương | | Quý II-III | | |
| | | | TP. Hồ Chí Minh | | Quý III-IV | | *Phối hợp với Tổng cục Quản lý đất đai trình Bộ ban hành quyết định thành lập đoàn thanh tra kết hợp nhiều lĩnh vực của Bộ* |
| | | | Tây Ninh | | Quý IV | | |
| | | | Hậu Giang, Sóc Trăng | | Quý II-III | | |

| STT | NỘI DUNG | Đối tượng | Địa điểm | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Thanh tra, kiểm tra đột xuất | | | Công an các tỉnh, thành phố; Sở TNMT và các Sở, ban ngành có liên quan của các tỉnh, thành phố; Đơn vị tham gia đo đạc, lấy, bảo quản và phân tích mẫu môi trường | | 5.800 | |
| **IV** | **Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam** | | | | | **1.850** | |
| 1 | Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 07 đính kèm | Quảng Bình, Khánh Hòa | Các đơn vị và địa phương có liên quan | Quý II | 600 | *- Tại Khánh Hòa lồng ghép với các nội dung: kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về thực hiện nghĩa vụ tài chính trong việc sử dụng số liệu, thông tin kết quả điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản từ nguồn ngân sách nhà nước; kiểm tra định kỳ hoạt động khoáng sản của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;*<br>*- Tại Quảng Bình lồng ghép với nội dung kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra, thông báo kết quả kiểm tra các đối tượng đã được thanh tra, kiểm tra các năm 2015, 2016, 2017 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam* |
| | | | Thanh Hóa, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế | Các đơn vị và địa phương có liên quan | Quý III | | *Tại Thừa Thiên Huế lồng ghép với nội dung kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về thực hiện nghĩa vụ tài chính trong việc sử dụng số liệu, thông tin kết quả điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản từ nguồn ngân sách nhà nước của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam* |

| STT | NỘI DUNG | Đối tượng | Địa điểm | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra, thông báo kết quả kiểm tra các đối tượng đã được thanh tra, kiểm tra các năm 2015, 2016, 2017 | | Thái nguyên | Các đơn vị và địa phương có liên quan | Quý IV | 650 | *Lồng ghép với nội dung kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về thực hiện nghĩa vụ tài chính trong việc sử dụng số liệu, thông tin kết qua điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản từ nguồn ngân sách nhà nước của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam* |
| | | | Quảng Bình, Lâm Đồng | | Quý II | | *Tại Quảng Bình lồng ghép với nội dung thanh tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam* |
| | | | Cao Bằng | | Quý III | | *Lồng ghép với nội dung kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về thực hiện nghĩa vụ tài chính trong việc sử dụng số liệu, thông tin kết qua điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản từ nguồn ngân sách nhà nước của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam* |
| | | | Quảng Ngãi, Tây Ninh | | Quý III | | |
| | | | Tuyên Quang, Ninh Thuận | | Quý IV | | *Tại Tuyên Quang lồng ghép với nội dung kiểm tra chuyên đề thăm dò/khai thác, nạo vét thu hồi cát, sỏi lòng sông và các bến bãi theo lưu vực và quản lý hành chính của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam* |
| 6 | Thanh tra, kiểm tra đột xuất | | | | | 600 | |
| **V** | **Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam** | | | | | **700** | |
| 1 | Thanh tra công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với đơn vị có chức năng quản lý nhà nước) và việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ven biển) | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 08 đính kèm | Nghệ An | Các đơn vị và địa phương có liên quan | Quý II-III | 400 | |
| 2 | Thanh tra, kiểm tra đột xuất | | | | | 300 | |

| STT | NỘI DUNG | Đối tượng | Địa điểm | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực | Kinh phí thực hiện (triệu đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **VI** | **Cục Quản lý tài nguyên nước** | | | | | **900** | |
| 1 | Thanh tra việc thực hiện vận hành điều tiết của các hồ chứa quy định tại các Quy trình vận hành liên hồ chứa đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong việc tuân thủ các nội dung quy định của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với một số hồ chứa thủy điện, thủy lợi trên các lưu vực sông | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 09 đính kèm | Lưu vực sông: Vu Gia - Thu Bồn, Ba (Bình Định, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Phú Yên và Quảng Nam) | Các đơn vị và địa phương có liên quan | Quý III | 400 | |
| 2 | Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong việc tuân thủ các nội dung quy định của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với một số hồ chứa thủy điện, thủy lợi | Đối tượng cụ thể tại Phụ lục 10 đính kèm | Lai Châu | Các đơn vị và địa phương có liên quan | Quý II-III | 200 | |
| 3 | Thanh tra, kiểm tra đột xuất | | | | | 300 | |

**Tổng kinh phí : 34.100 triệu đồng** *(Ba mươi tư tỷ một trăm triệu đồng)*, bao gồm:

**1. Thanh tra Bộ, bao gồm:** **8.000** ***triệu đồng***

*1.1. Nguồn kinh phí quản lý hành chính:* *2.800* *triệu đồng*

*1.2. Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường:* *5.200* *triệu đồng*

**2. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của Tổng cục Quản lý đất đai, bao gồm:** **2.150** ***triệu đồng***

*2.1. Nguồn kinh phí quản lý hành chính:* *1.362* *triệu đồng*

*2.2. Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế:* *788* *triệu đồng*

**3. Nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Tổng cục Môi trường:** **20.500** ***triệu đồng***

**4. Nguồn kinh phí của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, bao gồm:** **1.850** ***triệu đồng***

*4.1. Nguồn kinh phí quản lý hành chính:* *1.550* *triệu đồng*

*4.2. Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường:* *300* *triệu đồng*

**5. Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam:** **700** ***triệu đồng***

**6. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của Cục Quản lý tài nguyên nước:** **900** ***triệu đồng***

**Phụ lục 01: Danh sách đối tượng dự kiến thanh tra năm 2018 thuộc Nhiệm vụ: Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế (trong nội dung thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại tỉnh Bắc Ninh)**

*(Đính kèm Danh mục các cuộc thanh tra trong Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2765/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | **Bắc Ninh** | | |
| 1 | Tổng công ty Viglacera - CTCP. Đ/c: Tầng 12, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Khu công nghiệp Yên Phong + mở rộng. Đ/c: huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh | |
| 2 | Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh. Đ/c: Khu công nghiệp VSIP, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | Khu công nghiệp, đô thị VSIP Bắc Ninh. Đ/c: huyện Tiên Du, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | |
| 3 | Ban Quản lý dự án thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | Cụm công nghiệp sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Quang. Đ/c: xã Đồng Kỵ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | |

**Phụ lục 02: Danh sách đối tượng dự kiến thanh tra năm 2018 thuộc Nhiệm vụ: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên (trong nội dung thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại tỉnh Quảng Nam)**

*(Đính kèm Danh mục các cuộc thanh tra trong Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2965/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | **Tỉnh Quảng Nam** | | |
| 1 | Công ty Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai | thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam | KCN |
| 2 | Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà - Chu Lai Quảng Nam (KCN hậu cần cảng Tam Hiệp) | Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | KCN |
| 3 | Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và KCN Quảng Nam - Đà Nẵng (KCN Điện Nam - Điện Ngọc) | Xã Điện Nam Bắc, xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | KCN |
| 4 | Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển hạ tầng KCN và đô thị Chu Lai - Trường Hải (KCN Cơ khí đa dụng và ô tô Chu Lai - Trường Hải) | Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | KCN |
| 5 | Công ty TNHH VBL Quảng Nam | Lô 2 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | Sản xuất Bia |
| 6 | Công ty CP Nhiên liệu sinh học Tùng Lâm | thôn Nam Phước, xã Đại Tân, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam | Sản xuất Cồn |
| 7 | Công Ty TNHH MTV Cao Su Quảng Nam | QL1A – Bình Nguyên – Thăng Bình – Quảng Nam | Sản xuất Cao su |
| 8 | Công ty TNHH TM&XD An Sinh | Xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. | Xử lý chất thải |
| 9 | Công ty Cổ phần xi măng Xuân Thành Group | Thôn Đồng Râm, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang | Sản xuất Xi măng |
| 10 | Công ty Cổ phần FOCOCEV Quảng Nam-Nhà máy tinh bột sắn Quảng Nam | Thôn 1 xã Quế Cường, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam | Tinh bột sắn |
| 11 | Công ty TNHH Vàng Phước Sơn | Khối 7, Thị Trấn Khâm Đức, Huyện Phước Sơn | Chế biến khoáng sản |
| 12 | Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn miền Trung | KCN Điện Nam - Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | Sản xuất Giấy |
| 13 | Công ty cổ phần than điện Nông Sơn | xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam | Điện than |
| 14 | Công ty TNHH Panko Tam Thăng | KCN Tam Thăng , Núi Thành, Quảng Nam | Dệt nhuộm |

**Phụ lục 03: Danh sách đối tượng dự kiến thanh tra năm 2018 thuộc Nhiệm vụ: Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế**

*(Đính kèm Danh mục các cuộc thanh tra trong Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2963/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Thái Nguyên** | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Yên Bình. Đ/c: Tầng 8, tòa nhà VEAM Tây Hồ, ngõ 689 Lạc Long Quân, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội | Khu Công nghiệp Yên Bình, | |
| 2 | Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN tỉnh Thái Nguyên. Đ/c; phường Bách Quang, phường Mỏ Chè, thành phố Sông Công tỉnh Thái Nguyên | Khu công nghiệp Sông Công I | |
| 3 | Công ty Cổ phần Sản xuất gang Hoa Trung. Đ/c: Số 420, đường Dương Tự Minh, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Cụm công nghiệp Trúc Mai, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên | |
| 4 | Công ty Cổ phần Khai khoáng Miền Núi. Đ/c: 280/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | | |
| **II** | **Đồng Nai** | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình. Đ/c: Số 1, đường 3a, Khu công nghiệp Biên Hòa 2 | Khu công nghiệp Biên Hòa II | |
| 2 | Công ty Cổ phần Thống Nhất. Đ/c: Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | Khu công nghiệp Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | |
| 3 | Công ty Cổ phần Gạch men sahado. Đ/c: Ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | Cụm Vật liệu xây dựng Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai | |
| **III** | **Cần Thơ** | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ. Đ/c: Số 102, đường 30/4, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ | Khu Công nghiệp Trà Nóc II, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ | |
| 2 | Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Cần Thơ. Đ/c: Khu công nghiệp Hưng Phú I, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ | Khu công nghiệp Hưng Phú I, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ | |
| 3 | Trung tâm Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Thốt Nốt/ Đ/c: Quốc lộ 91 khu vực Thới Thạnh, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ | Khu công nghiệp Thốt Nốt, Quốc lộ 91 khu vực Thới Thạnh, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ | |
| **IV** | **Thành phố Hồ Chí Minh** | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG. Đ/c: 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh | Khu công nghiệp Đông Nam. Đ/c: huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh | |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (ITACO). Đ/c: Lô 16, đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh | Khu công nghiệp Tân Tạo (mở rộng). Đ/c: Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh | |
| 3 | Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn. Đ/c: Số 189, Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh | Cụm công nghiệp Lê Minh Xuân (nay là Cụm công nghiệp Láng Le-Bàu Cò). Đ/c: xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh | |
| **V** | **Bình Định** | | |
| 1 | Công ty TNHH Đức Minh. Đ/c: Số 359 Âu Cơ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định | Cụm công nghiệp Phú An. Đ/c: Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định | |
| 2 | Công ty TNHH Nhật Tiến. Đ/c: Lô 05,06,07,08 Cụm Công nghiệp Phú An- Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. | | |
| 3 | Công ty TNHH Việt Phúc - Chi nhánh. Đ/c: Cụm CN Phú An, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định | | |
| 4 | Công ty TNHH Tuấn Thịnh. Đ/c: Cụm công nghiệp Phú An, Xã Tây Xuân, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định | | |
| 5 | Công ty TNHH MTV Tân Lộc Phúc. Đ/c: Lô M03, M05, Mô, D09, 1/2D08 Cụm công nghiệp Phú An, Xã Tây Xuân, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định | | |
| 6 | Công ty TNHH Nhật Tiến. Đ/c: Lô 05,06,07,08 Cụm Công nghiệp Phú An- Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. | | |
| 7 | Công ty TNHH Sơn Thịnh. Đ/c: 305 Quang Trung, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định | | |
| 8 | Công ty cổ phần hóa nông Việt Mỹ. Đ/c: Cụm công nghiệp Phú An, Xã Tây Xuân, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định | | |
| 9 | Công ty TNHH Tuấn Hồng. Đ/c: Số 66 Nguyễn Lữ, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định | Cụm công nghiệp Phú An. Đ/c: Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định | |
| 10 | Hộ kinh doanh Thanh Nhàn. Đ/c: Cụm công nghiệp Phú An, Xã Tây Xuân, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định | | |
| 11 | Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Nhơn Hòa. Đ/c: phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | Khu công nghiệp NHơn Hòa. Đ/c: thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định | |
| 12 | Công ty Cổ phần dịch vụ phát triển hạ tầng PBC. Đ/c: Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | Cụm công nghiệp Nhơn Bình. Đ/c: thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | |

**Phụ lục 04: Danh sách đối tượng dự kiến thanh tra năm 2018 thuộc Nhiệm vụ: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực phía Bắc**

*(Đính kèm Danh mục các cuộc thanh tra trong Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2965/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Tỉnh Hòa Bình** | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Bất động sản An Thịnh Hòa Bình chủ (KCN Lương Sơn) | KCN Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | KCN |
| 2 | Công ty TNHH Tân Hiếu Hưng | xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình | Tinh bột sắn |
| 3 | Công ty TNHH Phú Mỹ - Hòa Bình (Nhà máy chế biến tinh bột sắn) | Phong Phú, Mỹ Hòa, Tân Lạc, Hòa Bình | Tinh bột sắn |
| 4 | Công ty Cổ phần cồn và tinh bột Phú Mỹ | xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình | Tinh bột sắn |
| 5 | Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc | Km 18, Quốc lộ 15A, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình | Sản xuất Giấy |
| 6 | Công ty Cổ phần mía đường Hòa Bình | xã Tân Mũ, huyện Lạc Sơn, Hòa Bình | Chế biến mía đường |
| 7 | Công ty TNHH Almine Việt Nam | Khu công nghiệp Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình | SX hợp kim nhôm |
| 8 | Công ty TNHH MTV Quang Phát Hòa Bình | Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | Sản xuất hóa chất |
| 9 | Công ty Cổ phần tập đoàn xây dựng và du lịch Bình Minh | KCN Nam Lương Sơn, xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | Xi măng |
| 10 | Công ty TNHH Đầu tư thương mại Hoàng Long | Thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | Xử lý chất thải |
| 11 | Công ty TNHH Esquel Enterpises (Singapore) Việt Nam Hòa Bình | KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | Dệt nhuộm |
| 12 | Công ty TNHH Seyoung INC | Khu công nghiệp Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình | Dệt nhuộm |
| 13 | Công ty TNHH Midori Apparel Việt Nam Hòa Bình | KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình | Dệt nhuộm |
| 14 | Công ty Cổ phần may xuất khẩu Sông Đà | Tổ 2B, Phường Tân Thịnh, Tp. Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình | Dệt nhuộm |
| 15 | Nhà máy hàng may mặc xuất khẩu của Global Garment Sourcing Co...,ltd, Hàn Quốc | KCN Bờ Trái Sông Đà, phường Hữu Nghị, Tp. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | Dệt nhuộm |
| **II** | **Tỉnh Nam Định** | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex (KCN Bảo Minh) | Lô L1 đường D1 khu Công nghiệp Bảo Minh, km số 10 quốc lộ 10, Xã Liên Minh, Huyện Vụ Bản, Nam Định | KCN |
| 2 | Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp tỉnh Nam Định (KCN Hoà Xá) | Lô 11đường Phạm Ngũ Lão, KCN Hòa Xá, thành phố Nam Định | KCN |
| 3 | Công ty Cổ phần quản lý KCN Việt Nam - Nhật Bản (KCN Mỹ Trung) | Thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định | KCN |
| 4 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thuỷ Hoàng Anh (Chủ đầu tư KCN Mỹ Trung) | Km 102+180, Quốc lộ 10, phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định | KCN |
| 5 | Công ty Cổ phần đầu tư Vinatex (KCN Bảo Minh và KCN dệt may Rạng Đông) | KCN Bảo Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;<br>Thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định | KCN |
| 6 | Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông | Thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định | KCN |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 7 | Khu công nghiệp Bảo Minh - Công ty Cổ phần đầu tư Vinatex | Xã Liên Minh, xã Liên Bảo và xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định | KCN |
| 8 | Trung tâm phát triển Cụm công nghiệp thành phố Nam Định | Km111, Quốc lộ 10, xã Lộc An, thành phố Nam Định | CCN |
| 9 | Trung tâm phát triển Cụm công nghiệp huyện Xuân Trường | Tổ 18-TT Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định | CCN |
| 10 | Nhà máy nhiệt điện BOT Nam Định 1 (công suất 2x660 MW) | xã Hải Ninh và xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định | Nhiệt điện |
| 11 | Dự án Nhiệt điện Nam Định 1-2*600MW | Hai xã Hải Châu và Hải Ninh, huyện Hải hậu, tỉnh Nam Định | Nhiệt điện |
| 12 | Tổng Công ty cổ phần dệt may Nam Định | 43 đường Tô Hiệu, Năng Tĩnh, Nam Định, Nam Định | Dệt |
| 13 | Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nam Định | số 5 đường Thái Bình, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định | Sản xuất Bia |
| 14 | Công ty cổ phần bia NaDa | Số 3, đường Thái Bình, Hạ Long, Nam Định, Nam Định | Sản xuất Bia |
| **III** | **Thành phố Hà Nội** | | |
| 1 | Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội | 183 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Tp. Hà Nội | Sản xuất Bia |
| 2 | Công ty TNHH nhà máy bia Châu Á Thái Bình Dương | Xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội | Sản xuất Bia |
| 3 | Nhà máy Bia Đông Nam Á | số 167B đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội | Sản xuất Bia |
| 4 | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội | A2CN8 Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội | Sản xuất Bia |
| 5 | Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển | Đường Phan Trọng Tuệ, Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội | Sản xuất Phân lân |
| 6 | Công ty Cổ phần giấy Trúc Bạch Hà Nội | Cầu Bươu, Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội | Sản xuất Giấy |
| 7 | Công ty CP Đầu tư DIA (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp thị trấn Phùng) | TT. Phùng, huyện Đan Phượng, Tp. Hà Nội | CCN |
| 8 | Công ty Cổ phần Giao thông Hồng Hà (Cụm CN Duyên Thái và Cụm CN Quất Động) | Duyên Thái, Thường Tín, Tp. Hà Nội | CCN |
| 9 | Trung tâm phát triển Cụm công nghiệp huyện Thanh Trì - Cụm công nghiệp Ngọc Hồi | Ngọc Hồi, Thanh Trì, Tp. Hà Nội | CCN |
| 10 | Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hà Tây (Chủ đầu tư KCN Thạch Thất - Quốc Oai) | Km 21 đại lộ Thăng Long, Yên Sơn, Phùng Xá, Hoàng Ngô, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội | KCN |
| 11 | Công ty CP đầu tư xây dựng Việt Hà (Chủ đầu tư Khu cụm công nghiệp Phú Minh) | Phú Diễn, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội | KCN |
| 12 | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (Chủ đầu tư KCN KCN Quang Minh) | Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp. Hà Nội | KCN |
| 13 | Công ty điện tử Hà nội - Hanel (Chủ đầu tư KCN Sài Đồng B) | P.Thạch Bàn, huyện Long Biên, Tp. Hà Nội | KCN |
| 14 | Công ty TNHH Phát triển Nội Bài (Chủ đầu tư KCN Nội Bài) | Xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, Tp. Hà Nội | KCN |
| 15 | Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long (Chủ đầu tư KCN Thăng Long) | Xã Võng La, Huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội | KCN |
| 16 | Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng - Hiệp hội công thương Hà Nội (Chủ đầu tư KCN Nam Thăng Long) | KCN Nam Thăng Long, Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội | KCN |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 17 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ (Chủ đầu tư KCN Phú Nghĩa) | Km 25 QL6, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội | KCN |
| 18 | Công ty xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Hà Nội – Đài Tư | 386 Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội | KCN |
| 19 | Công ty Cổ phần Him Lam (Chủ đầu tư Khu công viên Công nghệ thông tin) | Quận Long Biên, Tp. Hà Nội | KCN |
| 20 | Công ty CP cao su Sao Vàng | Thượng Đình, Thanh Xuân, Tp. Hà Nội | Chế biến cao su |
| 21 | Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội | Thôn Văn, Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Tp. Hà Nội | Sản xuất Sơn |
| **IV** | **Tỉnh Cao Bằng** | | |
| 1 | Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng | Thị trấn Tà Lùng-Huyện Phục Hoà-Cao Bằng | Sản xuất mía đường |
| 2 | Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng | Số 52, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | Sản xuất Thép |
| 3 | Công ty TNHH CKC | xóm Lạng Cá, thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng | Chế biến Khoáng sản |
| 4 | Công ty Cổ phần Mangan Cao Bằng | Đường Lê Lợi, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | Chế biến Khoáng sản |
| 5 | Chi nhánh Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên - Mỏ sắt Ngườm Cháng Cao Bằng | Xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng | Chế biến Khoáng sản |
| 6 | Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Cao Bằng | Tổ 8, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | Chế biến Khoáng sản |
| 7 | Công ty Cổ phần Chế biến khoáng sản Cao Sơn Hà | Tổ 22, đường 3/10 phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | Chế biến Khoáng sản |
| 8 | Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Bảo Lâm | Tổ 22, đường 3/10, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | Chế biến Khoáng sản |
| 9 | Công ty Cổ phần Khai thác chế biến khoáng sản Barit và chì kẽm Cao Bằng | Xóm Lạng Cá, thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng | Chế biến Khoáng sản |
| 10 | Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Giang Cao Bằng | Xóm Khuổi Hân, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng | Chế biến Khoáng sản |
| 11 | Công ty TNHH MTV Thực phẩm Giai Giai Việt Nam | Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng | Chế biến Khoáng sản |
| 12 | Công ty TNHH MTV Ắc quy Green Cao Bằng | Xóm Phia Khoang, thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng | Sản xuất Ắc quy |
| **V** | **Tỉnh Hà Giang** | | |
| 1 | Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh Hà Giang (chủ đầu tư KCN Bình Vàng) | số 222, tổ 13, phường Nguyễn trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | KCN |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác khoáng sản Điện lực Hà Giang | KCN Bình Vàng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | Chế biến Khoáng sản |
| 3 | Công ty TNHH Giang Sơn | Tổ 22, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Chế biến Khoáng sản |
| 4 | Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông | số 415 đường Trần Phú, phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Chế biến Khoáng sản |
| 5 | Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác chế biến khoáng sản T&T Hà Giang | Tổ 1, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | Chế biến Khoáng sản |
| 6 | Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác khoáng sản và Xây Dựng Mê Linh | Số 85 đường Lê Hồng Phong, tổ 22 phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Chế biến Khoáng sản |
| 7 | Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang | số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang | Chế biến Khoáng sản |
| 8 | Công ty Cổ phần Mangan Việt Bắc | Khu công nghiệp Bình Vàng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | Chế biến Khoáng sản |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 9 | Công ty Cổ phần Luyện kim màu Hà Giang | Khu công nghiệp Bình Vàng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | Chế biến Khoáng sản |
| 10 | Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Nguyên Đá | Thôn Tân Lập, xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | Chế biến Khoáng sản |
| 11 | Công ty Cổ phần Thiên Hàm | (sau đây gọi tắt là Công ty) có địa chỉ tại số nhà 168A, tổ 5, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang | Chế biến Khoáng sản |
| 12 | Công ty TNHH Tường Phong | Tổ 4, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang; | Chế biến Khoáng sản |
| 13 | Công ty Cổ phần Giấy Hải Hà | Cụm công nghiệp Nam Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | Sản xuất Giấy |
| **VI** | **Tỉnh Thái Bình** | | |
| 1 | Công ty cổ phần hữu hạn Phát triển KCN Đài Tín – chủ đầu tư một phần KCN Phúc Khánh | Đường Ngô Gia Khảm, KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình | KCN |
| 2 | Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp – Chủ đầu tư KCN Phúc Khánh | Xã Phú Xuân và phường Phú **Khánh**, Thành phố Thái Bình | KCN |
| 3 | Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp – Chủ đầu tư KCN Nguyễn Đức Cảnh | Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình | KCN |
| 4 | Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp – Chủ đầu tư KCN Tiền Hải | Xã Đông Cơ- Huyện Tiền Hải- tỉnh Thái Bình | KCN |
| 5 | KCN Sông Trà | Xã Tân Bình, tp Thái Bình | KCN |
| 6 | Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp – Chủ đầu tư KCN Gia Lễ | Xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng | KCN |
| 7 | Công ty Cổ phần Bitexco Nam Long | Lô A2, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình | KCN |
| 8 | Công ty TNHH May Nien Hsing Việt Nam | Đường Trần Thị Dung, KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình | Dệt nhuộm |
| 9 | Công ty TNHH Dệt may Xuất khẩu Thành Công | số 15, đường Trần Quang Khải, tổ 16, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình | Dệt nhuộm |
| 10 | Công ty TNHH Chế biến thủy sản Thụy Hải | Cụm Công nghiệp Thụy Tân, xã Thụy Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình | Chế biến thủy sản |
| **VII** | **Tỉnh Yên Bái** | | |
| 1 | Xí nghiệp giấy Việt Hưng - Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn | Thôn Nước Mát, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái | Sản xuất Giấy |
| 2 | Nhà máy giấy Văn Chấn - Công ty Cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái | Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái | Sản xuất Giấy |
| 3 | Nhà máy giấy Minh Quân - Công ty Cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái | Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái | Sản xuất Giấy |
| 4 | Nhà máy giấy Yên Bình - Công ty Cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái | Sản xuất Giấy |
| 5 | Nhà máy giấy Yên Hợp - Văn Yên - Công ty Cổ phần kinh doanh chế biến lâm sản xuất khẩu Yên Bái | Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái | Sản xuất Giấy |
| 6 | Nhà máy sắn Văn Yên - Công ty Cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái | Thôn Cầu Khai, xã Mậu Đông, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái | Sản xuất tinh bột sắn |
| 7 | Công ty Cổ phần Năng lượng xanh Dầu khí toàn cầu, chủ Dự án "Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất Ethanol công suất 100.000 m3/năm" tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái | huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái | Sản xuất hóa chất |

**Phụ lục 05: Danh sách đối tượng dự kiến thanh tra năm 2018 thuộc Nhiệm vụ: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên**

*(Đính kèm Danh mục các cuộc thanh tra trong Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2965/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | **Thành phố Đà Nẵng** | | |
| 1 | KCN Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng (Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng KCN Đà Nẵng) | Phường Thọ Quang và Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng (58 Nguyễn Chí Thanh, Tp. Đà Nẵng) | KCN |
| 2 | KCN Hoà Cầm (Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Hoà Cầm) | Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng (176 đường 3/2, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng) | KCN |
| 3 | KCN Liên Chiểu (Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn- Đà Nẵng) | Phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng (61A, Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng) | KCN |
| 4 | KCN Hòa Khánh mở rộng (Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng) | Số 61A, Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng | KCN |
| 5 | Công ty Cổ phần Thép Dana Ý | Đường số 11B, Cụm công nghiệp (CCN) Thanh Vinh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | Sản xuất Thép |
| 6 | Công ty Cổ phần Thép Thái Bình Dương (Dana Úc) | Đường số 1, Cụm công nghiệp (CCN) Thanh Vinh mở rộng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng | Sản xuất Thép |
| 7 | Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng | KCN Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | Sản xuất Thép |
| 8 | Công ty TNHH Kiến trúc và Thương mại Á Châu (Nhà máy Giấy Tân Long) | Đường số 10, Khu Công nghiệp (KCN) Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | Sản xuất Giấy |
| 9 | Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải Vân | 65 Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng | Xi măng |
| 10 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng (Xí nghiệp Hóa chất Hòa Khánh - Xí nghiệp phân bón và hóa chất Kim Liên) | 53 Lê Hồng Phong, thành phố Đà Nẵng | Hóa chất, phân bón |
| 11 | Công ty trách nhiệm hữu hạn VBL Đà Nẵng (Công ty TNHH Nhà máy Heineken Việt Nam - Đà Nẵng) | Đường số 2,3 & 6, Khu công nghiệp Hòa Khánh | Sản xuất Bia |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 12 | Công ty TNHH Foster's Đà Nẵng - Tập đoàn các nhà máy bia Châu Á Thái Bình Dương | KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu | Sản xuất Bia |
| 13 | Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng | 471, Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng | Xử lý chất thải |

**Phụ lục 06: Danh sách đối tượng dự kiến thanh tra năm 2018 thuộc Nhiệm vụ: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực miền Nam**

*(Đính kèm Danh mục các cuộc thanh tra trong Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2965/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Tỉnh Bình Dương** | | |
| 1 | Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV - chủ đầu tư khu công nghiệp Sóng Thần 1 | Số 63 Yersin, phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | KCN |
| 2 | Công ty Cổ phần Đại Nam - chủ đầu tư khu công nghiệp Sóng Thần 2 | 1765A Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | KCN |
| 3 | Công ty LD TNHH KCN Việt Nam Singapore - chủ đầu tư Khu công nghiệp Vsip 1, 2 | Số 8, đại lộ Hữu Nghị, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương | KCN |
| 4 | Công ty CP TMSX-XD Hưng Thịnh - chủ đầu tư khu công nghiệp Đồng An 1, 2 | Đường số 1, KCN Đồng An, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, Bình Dương | KCN |
| 6 | Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Đại Đăng -chủ đầu tư KCN Đại Đăng | Lô F1-CN, KCN Đại Đăng, phường Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | KCN |
| 7 | Công ty TNHH Kim Huy - chủ đầu tư KCN Kim Huy | Phường Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương | KCN |
| 9 | Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương - chủ đầu tư KCN Đất Cuốc | Đại lộ Bình Dương, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương | KCN |
| 12 | Công ty Cổ phần KCN Nam Tân Uyên - chủ đầu tư KCN Nam Tân Uyên | Phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, Bình Dương | KCN |
| 14 | Công ty Cổ phần Xây dựng và KD bất động sản Dapak - chủ đầu tư KCN Tân Đông Hiệp A | Phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, Bình Dương | KCN |
| 15 | Công ty TNHH Phú Mỹ - chủ đầu tư XD&KD hạ tầng KCN Tân Đông Hiệp B | Số 1, đường số 4, KCN Tân Đông Hiệp B, thị xã Dĩ An, Bình Dương | KCN |
| 16 | Công ty CP Đầu tư và phát triển Bình Thắng - chủ đầu tư hạ tầng KCN Dệt May Bình An | Xã Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương | KCN |
| 17 | Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - TNHH MTV Becamex IDC Corp - chủ đầu tư khu công nghiệp Mỹ Phước 1, 2, 3 và Bàu Bàng) | Số 230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | KCN |
| 5 | Công ty TNHH TMDV vận chuyển Việt Khải | Số 2/6A, khu phố Bình Đức, phường Bình Hoà, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương | Xử lý chất thải |
| 10 | Công ty TNHH sản xuất thương mại Tiến Thi | Đường D5, KCN Đất Cuốc, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | Xử lý chất thải |
| 11 | Công ty TNHH SX TM Như Kiệt | Lô B5 đường D3, KCN Đất Cuốc, Xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương | Xử lý chất thải |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 8 | - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước môi trường Bình Dương | Số 11 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | Xử lý chất thải |
| 13 | Công ty TNHH SX TM DV Môi trường Việt Xanh | Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | Xử lý chất thải |
| 18 | Công ty TNHH Thye Ming (Việt Nam) | Lô C-8A-CN, C-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, Bến Cát, Bình Dương | Xử lý chất thải |
| 19 | Công ty TNHH Phát triển bền vững An Điền | Số 8/2 khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An tỉnh Bình Dương | Xử lý chất thải |
| **II** | **Tỉnh Bình Phước** | | |
| 1 | Công ty TNHH Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành | Số 18, ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | Kinh doanh hạ tầng KCN |
| 2 | Công ty TNHH MTV C&T Vina Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc | Huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | Kinh doanh hạ tầng KCN |
| 3 | Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú | Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước | Kinh doanh hạ tầng KCN |
| 4 | Công ty Cổ phần Cao su Phước Thành | Ấp Hòa Vinh, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | Sản xuất mủ cao su |
| 5 | Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long | Quốc lộ 13, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước | Sản xuất mủ cao su |
| 6 | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú | Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước | Sản xuất mủ cao su |
| 7 | Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh | Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước | Sản xuất mủ cao su |
| 8 | Công ty TNHH thương mại dịch vụ chế biến mủ cao su Hoàng Anh | Ấp Hưng Thủy, xã Lộc Thịnh, tỉnh Bình Phước | Sản xuất mủ cao su |
| 9 | Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng | Xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước | Sản xuất mủ cao su |
| 10 | Công ty TNHH MTV SX - TM Lâm Thao | Ấp 4, xã Nha Bích, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | Sản xuất mủ cao su |
| 11 | Công ty TNHH Cao su Quốc Việt | Ấp 1, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước | Sản xuất mủ cao su |
| 12 | Công ty TNHH MTV SX TM Thuý Uyên | Xã Đakia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước | Sản xuất mủ cao su |
| 13 | Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long | lô K3 - K4, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | Xử lý chất thải |
| 14 | Công ty TNHH Công nghệ môi trường Bình Phước Xanh | Số 38, tổ 4, khu phố 6, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước | Xử lý chất thải |
| 15 | Công ty cổ phần Môi trường Bình Phước | Xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước | Xử lý chất thải |
| **III** | **Tỉnh Tây Ninh** | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Trảng Bàng | Đường số 12, KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh | Kinh doanh hạ tầng KCN |
| 2 | Công ty Cổ phần Môi trường xanh VN | Đường số 8, KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh | Xử lý chất thải |
| 3 | Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung VN KCX&CN Linh Trung III | Xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh | Kinh doanh hạ tầng KCN |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 4 | Công ty TNHH Hóa Chất và Môi trường Vũ Hoàng | Lô 109, KCX&CN Linh Trung III, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây | Sản xuất hoá chất |
| 5 | Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công | Xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh | Kinh doanh hạ tầng KCN |
| 6 | Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huê Phương VN | Đường số 8, KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh | Xử lý chất thải |
| 7 | Công ty Cổ phần đường Biên Hòa -Nhà máy đường Biên Hòa - Tây Ninh | Quốc lộ 22B, ấp Tân Phước, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh | Sản xuất đường |
| 8 | Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Ấp Bình Linh | Xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh | Kinh doanh hạ tầng KCN |
| 9 | Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG | KCN Phước Đông – Bời Lời, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh | Kinh doanh hạ tầng KCN |
| 10 | Công ty Cổ phần môi trường Thái Tuấn | Tổ 8, ấp Xóm Mới, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh | Xử lý chất thải |
| 11 | Công ty Cổ phần mía đường Thành Thành Công (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) | Ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh | Sản xuất đường |
| 12 | Công ty Cổ phần Thành Vũ (trước đây là Công ty TNHH bột sắn Hinh Chảng Việt Nam) | Tổ 7, khu phố 4, TT. Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tây Ninh | Chế biến tinh bột sắn |
| 13 | Nhà máy chế biến mủ cao su Sinh Thành (Công ty TNHH Sinh Thành) | Tổ 1, Ấp Hiệp Thành, Xã Hòa Thạnh, Huyện Châu Thành, Tây Ninh | Chế biến mủ cao su |
| 14 | Công ty TNHH SX tinh bột mì Bình Minh | Ấp 1, Xã Phước Vinh, Huyện Châu Thành, Tây Ninh | Chế biến tinh bột sắn |
| 15 | Nhà máy chế biến mủ cao su (Công ty TNHH Hoà Hiệp Hưng) | Tổ 3, Ấp Hòa Đông B, Xã Hòa Hiệp, Huyện Tân Biên, Tây Ninh | Chế biến mủ cao su |
| **IV** | **Thành phố Hồ Chí Minh** | | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - chủ đầu tư KCN Vĩnh Lộc | Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh | KCN |
| 2 | Công ty cổ phần SX-KD-XNK-DV và đầu tư Tân Bình - chủ đầu tư Khu công nghiệp Tân Bình | Huyện Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | KCN |
| 3 | Công ty TNHH đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Tân Thới Hiệp - chủ đầu tư Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp | Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh | KCN |
| 4 | Công ty TNHH Tân Thuận - chủ đầu tư Khu chế xuất Tân Thuận | Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh | KCN |
| 5 | Công ty TNHH SepZone – Linh Trung (Việt Nam) - chủ đầu tư Khu chế xuất Linh Trung 2 | Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | KCN |
| 6 | Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bình Chánh (BCCI) - chủ đầu tư Khu công nghiệp Lê Minh Xuân | Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh | KCN |
| 7 | Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước - chủ đầu tư Khu công nghiệp Hiệp Phước | Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh | KCN |
| 8 | Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận 2 - chủ đầu tư Khu công nghiệp Cát Lái 2 | Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh | KCN |
| 9 | Công ty Cổ phần VietStar | Khu Liên hiệp xử lý chất thải rắn Phước Hiệp | Xử lý chất thải |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 10 | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa | Khu Liên hiệp xử lý chất thải rắn Phước Hiệp | Xử lý chất thải |
| 11 | Công ty TNHH Công nghệ sinh học Sài Gòn Xanh | Khu Liên hiệp xử lý chất thải rắn Đa Phước | Xử lý chất thải |
| 12 | Công ty TNHH Dịch vụ Môi trường đô thị Hòa Bình | Khu Liên hiệp xử lý chất thải rắn Đa Phước | Xử lý chất thải |
| 13 | Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam (Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Đa Phước) | Xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh | Xử lý chất thải |
| 14 | Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Môi trường xanh | Lô H10E Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh | Xử lý chất thải |
| 15 | Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí và Dịch vụ Đại Phúc | A7/40 ấp 1, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh | Xử lý chất thải |
| 16 | Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc | Số 99 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh | Xử lý chất thải |
| 17 | Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh | Số 42-44, đường Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh | Xử lý chất thải |
| 18 | Công ty TNHH Thương mại Xử lý Môi trường Thành Lập | Số 47 Nguyễn Bá Tòng, phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | Xử lý chất thải |
| **V** | **Tỉnh Hậu Giang** | | |
| 1 | Công ty Phát triển Hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang (Chủ đầu tư hạ tầng KCN Sông Hậu và Tân Phú Thạnh) | km 10, quốc lộ Nam Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | KCN |
| 2 | Công ty Cổ phần mía đường cồn Long Mỹ Phát | ấp 5, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang | Sản xuất mía đường |
| 3 | Công ty TNHH Hải sản Việt Hải | Km 2087+500, quốc lộ 1A xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang | Chế biến thủy sản |
| 4 | Công ty Cổ phần thuỷ sản Cafatex | km 2081, quốc lộ 1A xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang | Chế biến thủy sản |
| 5 | Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ | số 1284 đường Trần Hưng Đạo, khu vực 1, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang | Sản xuất mía đường |
| 6 | Công ty Cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang | KCN Nam Sông Hậu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | Chế biến thủy sản |
| 7 | Công ty TNHH MTV Phân bón hữu cơ | CCN Vị Thanh, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang | Sản xuất phân bón |
| 8 | Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam - Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A - giai đoạn 1 | thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | Sản xuất giấy |
| 9 | Công ty Cổ phần chế biến thủy sản Long Phú | Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A - giai đoạn 1, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | Chế biến thủy sản |
| **VI** | **Tỉnh Sóc Trăng** | | |
| 1 | Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng | km 2126+500, quốc lộ 1A, tỉnh Sóc Trăng | KCN |
| 2 | Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu | xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | Nhiệt điện |
| 3 | Công ty Cổ phần thủy sản Sóc Trăng | số 220 Quốc lộ 1A, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 4 | Công ty Cổ phần Thủy sản Sạch Việt Nam | Lô F, KCN An Nghiệp, Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 5 | Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta | Km 2132, Quốc lộ 1A, khóm 7, phường 2, Tp.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 6 | Công ty TNHH Chế biến và xuất nhập khẩu Thủy hải sản Tấn Hải | số 33 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 7 | Công ty TNHH Khánh Sủng | số 67, quốc lộ 1A, ấp Tân Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 8 | Công ty TNHH Minh Đăng | số 83 tỉnh lộ 8, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 9 | Công ty Cổ phần chế biến Thủy sản Út Xi | số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Văn Tài, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 10 | Công ty TNHH Chế biến thủy sản Thạnh Trị | ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 11 | Công ty TNHH Chế biến hải sản xuất khẩu Khánh Hoàng | ấp Cảng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 12 | Công ty TNHH Kim Anh | số 592 quốc lộ 1A, phường 2, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 13 | Công ty TNHH Một Thành viên Ngọc Thái | ấp Ngãi Hội 2, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 14 | Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Phương Nam | km 2127, quốc lộ 1A, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| 15 | Xí nghiệp Chế biến thực phẩm Thái Tân | số 176 quốc lộ 1A, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | Chế biến thủy sản |
| **VII** | **Tỉnh Bến Tre** | | |
| 1 | Công ty Phát triển hạ tầng KCN (KCN Giao Long và KCN An Hiệp) | số 87 đường 30/4 P3, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre | KCN |
| 2 | Công ty Cổ phần Mía đường Bến Tre | ấp Thuận Điền, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre | Sản xuất mía đường |
| 3 | Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre | 457C Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre | Sản xuất giấy |
| 4 | Công ty Cổ phần thủy sản Hải Hương | Lô A8-A9 KCN An Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 5 | Công ty CP Thủy sản Bến Tre | 457C Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, TP. Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 6 | Công ty cổ phần Thủy đặc sản - SEASPIMEX VIETNAM | Ấp 8, xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 7 | Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu lâm thủy sản Bến Tre | số 71 khu phố 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 8 | Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre | ấp 9, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 9 | Công ty TNHH chế biến thủy sản Hùng Vương Bến Tre | KCN An Hiệp, huyện Châu Thành, Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 10 | Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Huy Thuận | KCN Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 11 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Chế Biến Thủy Sản Đông Nam | Số 223, ấp 1, Xã Bình Thới, Huyện Bình Đại, Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 12 | Công ty TNHH Chế Biến Thủy Sản Thắng Lợi | xã Bình Thới, Huyện Bình Đại, Bến Tre | Chế biến thủy sản |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa chỉ | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 13 | Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Thủy Sản Nam Bộ - Nhà Máy Chế Biến Thủy Sản Nam Bộ | ấp Long Nhơn, Xã Long Hòa, Huyện Bình Đại, Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 14 | Công ty TNHH Chế Biến Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Thanh Bình | Xã Bình Thắng, Huyện Bình Đại, Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 15 | Công ty Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu An Hóa | ấp 3, xã An Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre | Chế biến thủy sản |
| 16 | Công ty TNHH Chế Biến Thực Phẩm Lê Anh | Lô A14, Khu công nghiệp Giao Long - Huyện Châu Thành - Bến Tre. | Chế biến thủy sản |

**Phụ lục 07: Danh sách đối tượng dự kiến thanh tra năm 2018 thuộc Nhiệm vụ: Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản**

*(Đính kèm Danh mục các cuộc thanh tra trong Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2965/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Tỉnh Thanh Hóa** | | |
| 1 | Doanh nghiệp tư nhân đá ốp lát Hưng Tùng | Xã Yên Lâm, huyện Yên Định | |
| 2 | Công ty TNHH Chế biến đá tự nhiên Nam Thái Sơn | Xã Yên Lâm, huyện Yên Định | |
| 3 | Doanh nghiệp TN Sản xuất kinh doanh VLXD Hoàng Tú | Xã Yên Lâm, huyện Yên Định | |
| 4 | Doanh nghiệp tư nhân Tân Đạt | Xã Yên Lâm, huyện Yên Định | |
| 5 | Công ty CP SX&TM Cẩm Trướng | Xã Yên Lâm, huyện Yên Định | |
| 6 | Cty TNHH XDGTTL Tân Sơn | Xã Yên Lâm, huyện Yên Định | |
| 7 | DN TN Hồng Phượng | Phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn | |
| 8 | Công ty CP Giống gia súc Thanh Ninh | Phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn | |
| 9 | Công ty TNHH Xuân Trường | Xã Quý Lộc, huyện yên Định | |
| 10 | Cty TNHH Nhất Linh | Yên Thọ, Yên Trường, H Yên Định | |
| 11 | Cty TNHH MTV Trường Tuấn | Yên Phong, Yên Định | |
| 12 | Công ty XLĐ và XDTL Thăng Bình | Yên Lâm, Yên Định | |
| 13 | Công ty TNHH Sản xuất đá Vạn Long | Yên Lâm, Yên Định | |
| 14 | Doanh nghiệp tư nhân Khánh Lộc | Yên Lâm, Yên Định | đổi tên từ Công ty Long Giang |
| 15 | Doanh nghiệp tư nhân Khánh Lộc | Yên Lâm, Yên Định | |
| 16 | Công ty TNHH Chế biến đá tự nhiên Nam Thái Sơn | Yên Lâm, Yên Định | |
| 17 | Doanh nghiệp TN Sản xuất kinh doanh VLXD Hoàng Tú | Yên Lâm, Yên Định | |
| 18 | Doanh nghiệp tư nhân Tân Đạt | Yên Lâm, Yên Định | |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **II** | **Tỉnh Quảng Bình** | | |
| 1 | Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Đồng Hới | Thôn 7, xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch | trước là CTy Gốm sứ Quảng Bình |
| 2 | CTCP Xi măng Vicem Hải Vân | Đông nam Lèn Áng, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy | gia hạn giấy phép 569/GP-BTNMT 25/4/2012 |
| 3 | Công ty CP Tổng Công ty Xây dựng miền Trung | Xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình | |
| | | Lèn Đứt Chân, thôn Xuân Hạ, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa | |
| 4 | Công ty CP sản xuất VL và XD COSEVCO1 | Thôn Đông Hòa, xã Mai Hóa, Tuyên Hóa | |
| | | Lèn Na, Bắc Lèn Na, Tiến Hóa, Tuyên Hóa | |
| 5 | Công ty Cổ phần Cosevco 6 | Km3 đường 10 thị trấn Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy | |
| | | Km4, đường 10, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình | |
| 6 | Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Nam | Khu vực Lèn Đứt Chân, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình | |
| | | Khu vực Đồng Trại, xã Quảng Tiên, huyện Quảng Trạch | |
| **III** | **Tỉnh Quảng Trị** | | |
| 1 | Công ty cổ phần đầu tư và khoáng sản VICO Quảng Trị | Xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, Quảng Trị. | |
| 2 | Công ty cổ phần phát triển khoáng sản 4 | Xóm 6, Xã Hưng Lộc, Thành Phố Vinh, Nghệ An | |
| 3 | Công ty cổ phần khoáng sản Hiếu Giang | 32 Lê Quý Đôn TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị | |
| **IV** | **Thừa Thiên Huế** | | |
| 1 | Công ty TNHH nhà nước 1 thành viên Khoáng sản TTHuế | Ven biển Kế Sung, Phương Diên, Vinh Xuân thuộc các xã Phú Diên, Vinh Xuân, Phú Vang | |
| | | Khu vực thuộc xã Quảng Ngạn và xã Quảng Công, huyện Quảng Điền | |
| 2 | Cty CP Đầu tư Vạn Xuân-Huế | Đá Ốp lát Gabro; thôn Bát Sơn, xã Lộc Điền, Phú Lộc | |
| 3 | Cty CP Tập Đoàn Đầu tư Việt Phương | Mỏ cát thạch anh xã Phong Hiền, Phong Điền | |
| 4 | Công ty Gạch men sứ TTHuế nay là Công ty CP Khoáng sản gạch men T.T.Huế | Tà Rê, La Dứt, Bốt Đỏ thuộc các xã Hồng Kim, Hồng Trung, Sơn Thuỷ, huyện A Lưới | |
| 5 | Công ty cổ phần xi măng Đồng Lâm | Đồng Lâm; xã Phong Xuân, Phong Điền | |
| | | Đá Sét xi măng Đông lâm; xã Phong Xuân và Phong An, Phong Điền | |
| 6 | Cty CP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa | Mỏ cát thạch anh . xã Phong Chương - Phong Bình, Phong Điền | |

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 7 | Công ty hữu hạn Xi măng Luks | Văn Xá, thuộc xã Hương Văn, huyện Hương Trà | |
| 8 | Công ty CPSXKD VLXD Long Thọ | Long Thọ, thuộc xã Thuỷ Biều, TP Huế | |
| **V** | **Tỉnh Khánh Hòa** | | |
| 1 | Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa | Mỏ nước khoáng Suối Dầu, tại giếng khoan SD02, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa | |
| 2 | Cty CP KS&ĐT Khánh Hòa | Thôn Thủy Triều, xã Cam Hải, TX. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa | |
| 3 | Cty cát Cam Ranh-Fico | Thôn Thủy Triều,, xã Cam Hải, TX. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa | |
| 4 | Công ty CP An Phước | Cây sung 2, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | |
| 5 | Công ty TNHH MTV Hà An Diên Khánh | cây sung 1, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | |
| 6 | Tổng Công ty Khánh Việt | Thôn Ngã 2, xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh, Khánh Hòa | |
| 7 | Công ty TNHH Thương Sơn Phát | khu vực Cây Sung 3, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | |
| 8 | Công ty TNHH Tâm Việt | khu vực Hòn Chuông 4, thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | |

**Phụ lục 08: Danh sách đối tượng dự kiến thanh tra năm 2018 thuộc Nhiệm vụ: Thanh tra công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với đơn vị có chức năng quản lý nhà nước) và việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ven biển)**

*(Đính kèm Danh mục các cuộc thanh tra trong Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2965/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | **Nghệ An** | | |
| 1 | Công ty Cổ phần đầu tư, kinh doanh Bãi Lữ | Xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An | Dịch vụ nghỉ dưỡng |
| 2 | Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh | Cảng Cửa Lò, phường Thu Thủy, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An | Kinh doanh bến cảng, trung chuyển hàng hóa |
| 3 | Công ty TNHH Thanh Thành Đạt | Khu công nghiệp Đông Hồi - xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An | Bến cảng Thanh Thành Đạt thuộc cảng biển Đông Hồi |
| 4 | Nhà máy xử lý nước thải Khu Công nghiệp Nam Cấm | Khu B, KCN Nam Cấm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. | Xử lý nước thải của KCN Nam Cấm |
| 5 | Nhà máy xử lý nước thải KCN Bắc Vinh | KCN Bắc Vinh, TP Vinh | Xử lý nước thải của KCN Bắc Vinh |

**Phụ lục 09: Danh sách đối tượng dự kiến thanh tra năm 2018 thuộc Nhiệm vụ: Thanh tra việc thực hiện vận hành điều tiết của các hồ chứa quy định tại các Quy trình vận hành liên hồ chứa đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong việc tuân thủ các nội dung quy định của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với một số hồ chứa thủy điện, thủy lợi trên các lưu vực sông**

*(Đính kèm Danh mục các cuộc thanh tra trong Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2969/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| TT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | | | Ghi chú (Tên hồ) |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Xã | Huyện | Tỉnh | |
| **I** | **Thanh tra việc thực hiện vận hành điều tiết của các hồ chứa quy định tại các Quy trình vận hành liên hồ chứa đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành** | | | | |
| **Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn** | | | | | |
| 1 | Công ty cổ phần thủy điện A Vương | Mà Cooi | Đông Giang | Quảng Nam | A Vương |
| 2 | Công ty CP thủy điện Đắk Mi | Phước Hòa, Phước Xuân, Phước Chánh, Phước Kim, Phước Đức và thị trấn Khâm Đức | Phước Sơn | Quảng Ngãi | Đắk Mi 4A |
| 3 | Công ty thủy điện sông Tranh | Trà Tân, Trà Đốc | Bắc Trà Mi | Quảng Nam | Sông Tranh 2 |
| 4 | Tập đoàn điện lực Việt Nam | Tả Bhinh, Zuôih, Chà Val | Nam Giang | Quảng Nam | Sông Bung 4 |
| 5 | Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ | Mà Cooi và TT Thạch Mỹ | Nam Giang và Đông Giang | Quảng Nam | Sông Bung 4A |
| 6 | Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 1 | Mà Cooi, thị trấn Thạch Mỹ | Đông Giang, Nam Giang | Quảng Nam | Sông Bung 5 |
| **Lưu vực sông Ba** | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ | | Sông Hình, sơn Hòa và Krông Pa | Phú Yên, Gia Lai | Sông Ba Hạ |
| 2 | Công ty Cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh | Đức Bình, EaTrol, Sông Hinh | Sông Hinh | Phú Yên | Sông Hinh |
| 3 | Công ty cổ phần Sông Ba | Ea Sô, Cư Prao, Ea Bar | M'Đrăk Sông Hinh | Đắk Lắk Phú Yên | Krông H'năng |
| 4 | Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Gia Lai | Chưa A Thai | Auyn Pa | Gia Lai | Auyn Hạ |
| 5 | Công ty thủy điện An Khê – Ka Nak | Đông, Kroong, Lơ Pu, Đăk Hồ Lơ và Cửu An, Thành An, Tý An và Tây Thuận | Kbang, An Khê và Tây Sơn | Gia Lai và Bình Định | An Khê – Ka Nak |

| TT | Tỉnh (thành phố)/Tổ chức | Địa điểm | | | Ghi chú (Tên hồ) |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Xã | Huyện | Tỉnh | |
| **II** | **Thanh tra việc việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong việc tuân thủ các nội dung quy định của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với một số hồ chứa thủy điện, thủy lợi trên các lưu vực sông** | | | | |
| **Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn** | | | | | |
| 1 | Công ty lưới điện Cao thế Miền Trung | Đại Hưng | Đại Lộc | Quảng Nam | An Điềm |
| 2 | Công ty CP đầu tư và PT thủy điện A Vương Thượng | A Vương | Tây Giang | Quảng Nam | A Vương 3 |
| 3 | Công ty cổ phần sông Ba | Phước Ninh | Nông Sơn | Quảng Nam | Khe Diên |
| 4 | Công ty Cổ phần thủy điện GERUCO sông Côn | Sông Kôn, jow Ngây, A Ting và Kà Dăng | Đông Giang | Quảng Nam | Sông Côn 2 |
| 5 | Tổng công ty phát điện 2 (EVN) | La Êê | Nam Giang | Quảng Nam | Sông Bung 2 |
| 6 | Công ty Cổ phần Za Hưng | Za Hung | Đông Giang | Quảng Nam | Za Hung |
| 7 | Công ty cổ phần thuủy điện Hồng Phát Đăk Mek | Đak Choong và Mường Hoong | Đăk Glei | Kon Tum | Đắk Mek 3 |
| 8 | Công ty Cổ phần cơ khí áp lực Mạnh Nam | Thôn 1, Trà Giác | Bắc Trà My | Quảng Nam | Tà Vi |
| 9 | Công ty cổ phần Sông Bung | Thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thạnh Mỹ | Nam Giang | Quảng Nam | Sông Bung 6 |
| **Lưu vực sông Ba** | | | | | |
| 1 | Công ty cổ phần điện Gia Lai | Lơ Pang/Mang Yang, H'Nol/Đăk Đoa | Mang Yang, Đăk Đoa | Gia Lai | Ayun Thượng 1A |
| 2 | Công ty cổ phần thủy điện Hoàng Anh Tô Na | Ia Rsươm, Ia Rsai; Ia Rtô; Ia Broăi | Krông Pa, thị xã Ayun Pa và Ia Pa | Gia Lai | ĐăkSrông 3A |
| 3 | Công ty Cổ phần Điện Gia Lai | Kon Chiêng | Mang Yang | Gia Lai | Đăk Pi Hao |
| 4 | Công ty Cổ phần thủy điện Gia Lai | Đê Ar | Mang Yang | Gia Lai | H'Chan |
| 5 | Công ty điện Gia Lai | Chơ Loong | Kông Chro | Gia Lai | Đăkpihao2 |
| 6 | Công ty điện Gia Lai | Ia O | Chư Prông | Gia Lai | IA PUCH 3 |
| 7 | Công ty TNHH ĐT và PT điện Gia lai | Bar Maih | Chư Sê | Gia Lai | H'Mun |
| 8 | Công ty TNHH Nhật Minh | Hnol | Đăk Đoa | Gia Lai | Đăk Hnol |
| 9 | Công ty Cổ phần Đăksrong | Thị trấn Krông Chro | Krông Chro | Gia Lai | Đăksrong |
| 10 | Công ty cổ phần Ayun Thượng | Pơ Lang | Mang Yang | Gia Lai | Ayun Thượng 1A |

**Phụ lục 10: Danh sách đối tượng dự kiến thanh tra năm 2018 thuộc Nhiệm vụ: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong việc tuân thủ các nội dung quy định của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với một số hồ chứa thủy điện, thủy lợi**

*(Đính kèm Danh mục các cuộc thanh tra trong Kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 2965/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tỉnh, thành phố/Tổ chức (cá nhân) | Vị trí, địa điểm | | | Tên công trình | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Xã | Huyện | Tỉnh | | |
| **Tỉnh Lai Châu** | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH thủy điện Nậm Ban 2 | xã Nậm Ban và Xã Trung Chải | Nậm Nhùn | Lai Châu | Nậm Ban 2 | |
| 2 | Công ty TNHH xây dựng Hưng Hải | Phìn Hồ | Sìn Hồ | Lai Châu | Nậm Na 3 | |
| 3 | Công ty TNHH xây dựng Hưng Hải | Phìn Hồ | Sìn Hồ | Lai Châu | Nậm Na 2 | |
| 4 | Công ty Cổ phần kinh doanh xi măng Miền Bắc | Bum Tở | Mường Tè | Lai Châu | Nậm Cấu 1, Nậm Cấu 2 | |
| 5 | Công ty TNHH xây dựng và TMTH Tiến Thành | Khổng Lào | Phong Thổ | Lai Châu | Nậm Lụng | |
| 6 | Công ty cổ phần cơ khí thiết bị điện Hà Nội | Mường Kim | Than Uyên | Lai Châu | Mường Kim II | |
| 7 | Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mở | Khoen On | Than Uyên | Lai Châu | Nậm Mở 3 | |